

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ TÊH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày: 27 – 11 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TÊH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Loan

2/ Ông Nông Văn Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Dư Thị Kiều Uyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số: 05/2024/TB-TA ngày 14 tháng 11 năm 2024 đối với:

* Bị cáo NGUYỄN VĂN L – Sinh ngày 03/01/2001, tại: Lâm Đồng; Đăng ký NKTT: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 và bà Lê Thị H, sinh năm 1970; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự; tiền án: Không. Ngày 04/6/2024 bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an T2, tỉnh Bình Phước tạm giữ về tội mua bán trái phép chất ma túy. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố T2, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”.

* Bị hại: Anh Trương Công L1 – Sinh năm 1997

Địa chỉ: TDP F, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Phước S – Sinh năm 1964

Địa chỉ: TDP B, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

2. Bà Lê Thị H – Sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

* Người làm chứng:

1. Anh Võ Phụng H1 – Sinh năm 2002

Địa chỉ: TDP F, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt”.

2. Anh Trương Công T1 – Sinh năm 2001

Địa chỉ: TDP F, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L và Trương Công L1 là bạn bè với nhau. Vì vậy, L hay mượn xe mô tô nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: EXCITER, màu sơn Đen, biển kiểm soát 49M1 – 146.65 và giấy đăng ký xe mô tô của L1 để đi lại. Đến ngày 22/11/2022, L tiếp tục mượn xe của L1. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên L đã nảy sinh ý định mang chiếc xe của L1 đi cầm cố. Đến ngày 04/12/2022, L đã mang chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 49M1 – 146.65 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe của L1 đi cầm cố tại tiệm cầm đồ Phước S do bà Trần Thị Phước S làm chủ ở tại TDP2D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cầm cố lấy số tiền 17.000.000đ để tiêu xài cá nhân. Sau đó, L1 không thấy L trả xe nên đã nhắn tin, gọi điện và gặp L nhiều lần để hỏi về chiếc xe thì L trả lời đã cầm xe và hứa sẽ chuộc đem xe về trả cho L1. Tuy nhiên, L chỉ hứa để L1 tin tưởng vì thực tế L không có khả năng chuộc xe. Sau đó, L không nghe điện thoại và chặn messenger facebook của L1 rồi bỏ đi khỏi địa phương từ trước tết năm 2023. Đến ngày 04/01/2023 là thời hạn chuộc xe, không thấy L quay lại chuộc xe, đóng lãi xuất nên bà S đã bán chiếc xe mô tô nói trên cho một người thanh niên ở huyện Đ với số tiền 17.500.000 đồng, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Sau đó, Cơ quan Công an huyện Đ đã tạm giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49M1 – 146.65 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật. Đến ngày 03/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an T2, tỉnh Bình Phước bắt quả tang L về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 11/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an T2, tỉnh Bình Phước ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo và Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn L để điều tra, xử lý. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L khai rõ hành vi của mình như đã nêu trên.

Để có cơ sở xử lý hành vi của Nguyễn Văn L, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ đã Yêu cầu định giá tài sản số 02/YC-ĐCSHS-KTMT ngày 30/01/2023. Ngày 06/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS kết luận: Giá trị 01 chiếc xe máy, hiệu YAMAHA, Exciter, màu đen, BKS 49M1 – 146.65 của Trương Công L1 trị giá là: 27.600.000đ.

Ngày 11/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã có Quyết định trưng cầu giám định số 462/QĐ-ĐCSHS-KTMT trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh L giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn L. Kết luận giám định số 1074/KL-KTHS ngày 10/10/2024 Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn

L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSĐT ngày 25/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Tẻh truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Tẻh giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 (*chín*) tháng đến 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2024 và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại anh Trương Công L1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Phước S. Đồng thời, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thỏa đáng cho bị hại và người liên quan viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

- Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Giữa bị cáo và anh Trương Công L1 là bạn bè nên bị cáo đã nhiều lần mượn xe của anh L1 để đi lại. Đến ngày 04/12/2022, bị cáo tiếp tục mượn chiếc xe máy, hiệu YAMAHA, Exciter, BKS 49M1 – 146.65 trị giá 27.600.000 đồng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe của L1 để đi lại. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã mang chiếc xe của L1 đi cầm cố lấy số tiền là 17.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau đó bị cáo đi khỏi địa phương không chuộc xe

trả lại cho anh L1. Qua lời khai nhận của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo L đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà bị cáo L đã cố ý thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Không những vậy, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trong vụ án này, sau khi bị cáo L chiếm đoạt được chiếc xe mô tô của anh L1 mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo đi khỏi địa phương. Trong thời gian bị cáo đi khỏi địa phương, ngày 04/6/2024 bị cáo L bị Cơ quan CSĐT Công an T2, tỉnh Bình Phước tạm giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo L đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, vừa để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự, cải tạo giáo dục bị cáo thành người hữu ích cũng như có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Phước S, và tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho bị cáo L.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là thấp, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về đề nghị cho bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thỏa đáng cho bị hại và người liên quan và tình tiết bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra mẹ của bị cáo L là bà Lê Thị H đã trả cho anh Trương Công L1 số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo L đã mượn của anh L1 trước đây, không liên quan gì đến vụ án, không phải là số tiền bị thiệt hại do bị cáo gây ra. Ngoài ra, sau khi bị cáo chiếm đoạt được chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49M1 – 146.65 của anh L1 rồi mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo đi khỏi địa phương. Ngày 04/6/2024 bị cáo L bị Cơ quan CSĐT

Công an T2, tỉnh Bình Phước tạm giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, việc đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đề nghị cho bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ngoài ra, đối với hành vi của bà Trần Thị Phước S – Chủ tiệm cầm đồ, khi cầm cố không biết chiếc xe này là của người khác. Tuy nhiên, bà S đã có hành vi cầm cố tài sản không chính chủ nên bà S đã bị CQĐT đã xử lý vi phạm hành chính là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Trương Công L1 đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ngoài ra, bị cáo L đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Phước S với số tiền là 17.000.000 đồng, bà S cũng không yêu cầu gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn: Đen, biển kiểm soát: 49M1 – 146.65, số máy: G3D4E629605, số khung: 0610HY604473.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 008289, tên chủ xe: Trương Công L1.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể; số 42J80001154 đăng kí kinh doanh Dịch vụ cầm đồ Phước Sương do UBND huyện Đ cấp cho bà Trần Thị Phước S.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của Công an huyện Đ cấp cho bà Trần Thị Phước S.

Quá trình điều tra, xét thấy tài sản trên là của anh Trương Công L1 và bà Trần Thị Phước S nên Cơ quan Công an đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

+ 01 (một) tờ giấy ghi biên nhận, có chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn L của dịch vụ cầm đồ Phước S, lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2024.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đa Tễ;
- Công an huyện Đa Tễ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL và NVLQ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Hùng